TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 119/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 7 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên

***- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 286/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D; địa chỉ: Thôn Bến Bính A, xã Tân D, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn D; địa chỉ: Thôn Bến Bính A, xã Tân D, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/4/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị D (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị D và anh Lê Văn D xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa

thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, lao động và nuôi dạy con chung. Mặt khác, anh D mải chơi, không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Chị D đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không thay đổi mà còn chửi mắng, xúc phạm chị dẫn đến tình cảm vợ ngày càng thờ ơ, lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn, chị D và anh D hiện đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn D.

Về con chung: Chị Đỗ Thị D khai: Chị và anh Lê Văn D có 01 con chung là Lê Nhật D1, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2003, hiện anh D đang nuôi con. Trường hợp ly hôn, chị D yêu cầu Tòa án giao cho anh Lê Văn D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đỗ Thị D khai chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh Lê Văn D mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu đồng).

Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị D khai: Chị và anh Lê Văn D không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật song đến ngày mở phiên tòa, anh D vẫn không có mặt để trình bày ý kiến về việc chị D xin ly hôn.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh D. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu điều tra thể hiện chị Đỗ Thị D và anh Lê Văn D chung sống như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị D xin ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số

01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Toà án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị D và anh Lê Văn D. Về con chung: Chị Đỗ Thị D và anh Lê Văn D có 01 con chung là Lê Nhật D1, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2003. Căn cứ tài liệu điều tra xác minh hiện trạng nuôi con, khả năng, điều kiện nuôi con của mỗi bên, nguyện vọng của con chung và căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án giao cho anh Lê Văn D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Nhật D1, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2003 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đỗ Thị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh Lê Văn D mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thỏa thuận khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Lê Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị D và anh Lê Văn D.

[2] Về hôn nhân: Tài liệu điều tra, xác minh thể hiện: Chị Đỗ Thị D và anh Lê Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay chị Đỗ Thị D xin ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Toà án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp, xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị D và anh Lê Văn D.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống: Chị Đỗ Thị D và anh Lê Văn D có 01 con chung là Lê Nhật D1, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2003. Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung cần căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết. Chị D yêu cầu Tòa án giao cho anh Lê Văn D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Nhật D1. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi thì cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, từ khi sống ly thân đến nay, anh D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Cháu Lê Nhật D1 có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy giao cho anh Lê Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Nhật D1, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2003 cho đến khi con Lê Nhật D1 đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đỗ Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh Lê Văn D mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu đồng) kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con Lê Nhật D1 đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị D khai chị và anh Lê Văn D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Đỗ Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Toà án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị D và anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Nhật D1, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2003 cho đến khi con Lê Nhật D1 đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đỗ Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh Lê Văn D mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu đồng) kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con Lê Nhật D1 đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000847 ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị D còn phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đỗ Thị D, anh Lê Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Tân D;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Anh

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 4 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Điệu

2. Bà Nguyễn Thị Vân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D; địa chỉ: Thôn An Hồ, xã An Lư, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng;

Bị đơn: Anh Lê Văn D; địa chỉ: Thôn An Hồ, xã An Lư, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về nội dung:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị D và anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Đức Thịnh, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2003 cho đến khi con Trần Đức Thịnh đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người

không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003454 ngày 07 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Chị Đỗ Thị D, anh Lê Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Điệu **Nguyễn Thị Vân** **Lương Ngọc Anh**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 10 tháng 4 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Lương

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 854/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D; địa chỉ: Thôn 1, xã Kiền Bái, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng;

Bị đơn: Anh Lê Văn D; địa chỉ: Thôn 1, xã Kiền Bái, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Biểu quyết: 3/3

- Về nội dung: Hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 854/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

Biểu quyết: 3/3

Thời gian mở lại phiên toà được ấn định như sau: Phiên tòa dân sự sẽ được mở vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Cảnh **Nguyễn Thị Lương** **Lương Ngọc Anh**